

BIÊN BẢN (LẦN 1)

Về công khai chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 tại trường Mầm non 23/11.

Địa điểm: Trường Mầm non 23/11

Thời gian: Thứ ba, lúc 16g 45 ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Thành phần tham dự: 42 người (Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên).

Chủ trì: Bà Lý Mỹ Hương- Hiệu trưởng.

Thư ký : Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan – Thủ quỹ-Văn thư

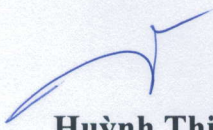
I. Nội dung cuộc họp:

Bà Lý Mỹ Hương công khai về Chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 (Từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 đến ngày 15 tháng 9 năm 2023); Tập thể trường đồng ý thực hiện theo Chất lượng giáo dục năm học 2023-2024.

II. Kết luận: 42/42-100% Đồng ý

Biên bản kết thúc lúc 17g 25 phút cùng ngày, biên bản này được trong qua cho Cán bộ Giáo viên Nhân viên tại buổi họp cùng nghe./.

Thư Ký



Huỳnh Thị Ngọc Lan

Hiệu trưởng



Lý Mỹ Hương

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện Hóc Môn
Tên cơ sở giáo dục : Trường Mầm non 23/11

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ dự kiến đạt được	Giảm SDDCN: <1% Giảm SDDCC: <1% Giảm DCBP: Mức thấp nhất (có thể)	Giảm SDDCN: <1% Giảm SDDCC: <1% Giảm DCBP: Mức thấp nhất (có thể)
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.	Chương trình GDMN do Bộ GDĐT quy định	Chương trình GDMN do Bộ GDĐT quy định
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	Cháu ngoan: 35% Bé khỏe ngoan: 85% Chuyên cần: 85%	Cháu ngoan: 35% Bé khỏe ngoan: 85% Chuyên cần: 95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN	Cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ	Cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ

Hóc Môn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lý Mỹ Hương

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện HM
Tên cơ sở giáo dục : Trường Mầm non 23/11

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

Đơn vị tính: trẻ em

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng	13-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	246			43	66	65	72
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	246			43	66	65	72
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	246			43	66	65	72
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	246			43	66	65	72
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	246			43	66	65	72
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	181			40	50	48	43
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	10			0	5	3	2
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	243			42	65	64	72
4	Phân loại khác (thấp còi)	3			1	1	1	0
5	Số trẻ em béo phì	55			3	11	14	27
	Số trẻ em suy dinh dưỡng (Mãn)	1			0	1	1	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	43			43			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	203				50	48	43

Hóc Môn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lý Mỹ Hương

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: **UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện HM**
Tên cơ sở giáo dục : **Trường Mầm non 23/11**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	3.68 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	3.68 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2048	7.29 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1015	3.61 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	772,65	2.75m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	772,65	2.75m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	412,95	1.47 m ² /trẻ em
4	Diện tích sân chơi (m ²)	207,4	0,74m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	49,5	
7	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	40,5	0.14m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12	
1	Nhà trẻ	03	
2	Mầm	03	
3	Chồi	03	
4	Lá	02	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	(14 máy vi tính)
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	12	1 cái/ lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)		
3	Máy phô tô	1	Dùng văn phòng

6	Đầu Video/đầu đĩa	0	
7	Thiết bị khác		
8	Đồ chơi ngoài trời	10	Dùng chung
9	Bàn ghế đúng quy cách	260	Mỗi lớp 20/ bộ
10	Thiết bị khác...	1	1 Âm thanh

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		13	0	0.28m ² /trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	
..	...		

Học Môn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

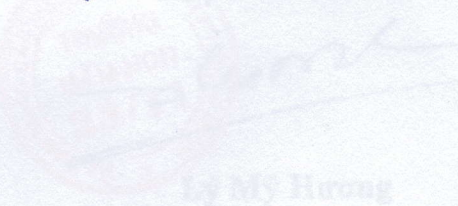
HIỆU TRƯỞNG



Lý Mỹ Hương

Học Môn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lý Mỹ Hương

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: **UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện HM**
Tên cơ sở giáo dục : **Mầm non 23/11**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024**

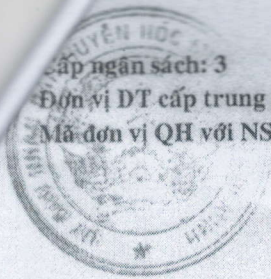
STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	T S	Th S	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	42	40	5			32	4	2	7	
I	Giáo viên	27	27				24	3			
II	Cán bộ quản lý	3	3			1	2				
1	Hiệu trưởng	1	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	2	2			1	1				
III	Nhân viên	12	6	6			2	1	1	8	
1	Nhân viên văn thư										
2	Nhân viên kế toán	1		1			1				
3	Thủ quỹ	1	1				1				
4	Nhân viên y tế	1	1						1		
5	Nhân viên thư viện										
6	Nhân viên khác (bảo vệ, phục vụ, cấp dưỡng, bảo mẫu)	9	4	5				1		8	

Hóc Môn, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lý Mỹ Hương



Cấp ngân sách: 3

Đơn vị DT cấp trung gian: Phòng Giáo dục - Đào tạo

Mã đơn vị QH với NS:1115044

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Trường Mầm Non 23-11

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1044708

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0124

(Kèm theo Quyết định số: 6551/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Hóc Môn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	CLK	Mã nguồn	Tổng số
A/ Phần thu, chi tại đơn vị			
B/ Phần thu chi các hoạt động khác			
I Tổng thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.133.000.000
Thu sự nghiệp			1.133.000.000
- Nguồn Học phí			279.000.000
- Nguồn Công phục vụ bán trú			324.000.000
- Nguồn Công phục vụ ăn sáng			157.500.000
- Nguồn Thẻ dựnch nhậđiều mầnon			80.000.000
- Nguồn Anh văn mầnon			112.000.000
- Nguồn Học vẽ			80.000.000
- Nguồn học hè			-
- Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			60.000.000
- Nguồn Vệ sinh bán trú			40.500.000
II. Tổng chi theo chế độ quy định (kể cả nộp thuế)			1.133.000.000
I. Thu sự nghiệp và thu dịch vụ			1.021.400.000
- Nguồn Học phí			167.400.000
- Nguồn Công phục vụ bán trú			324.000.000
- Nguồn Công phục vụ ăn sáng			157.500.000
- Nguồn Thẻ dựnch nhậđiều mầnon			80.000.000
- Nguồn Anh văn mầnon			112.000.000
- Nguồn Học vẽ			80.000.000
- Nguồn học hè			-
- Nguồn Thiết bị, vật dụng bán trú			60.000.000
- Nguồn Vệ sinh bán trú			40.500.000
2. Nguồn CCTL từ nguồn thu năm 2023 tại đơn vị cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của HĐND TP			111.600.000
- Nguồn thu học phí (40%)			111.600.000
C/ Dự toán chi ngân sách nhà nước :	622,070		9.057.357.000
Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	622,071		9.057.357.000
1. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục			8.257.357.000
1.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên:		12	7.140.737.000
1.2 Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND		14	1.074.060.000
1.3 Kinh phí 10% tiết kiệm chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND		14	42.560.000
2. Kinh phí không tự chủ sự nghiệp giáo dục		12	800.000.000
2.1 Kinh phí hoạt động không thường xuyên khác			100.000.000
2.2 Kinh phí sửa chữa			700.000.000

* Nguồn CCTL năm 2022 chuyển sang năm 2023 cân chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của HĐND TP

500.706.000

- Nguồn thu tại đơn vị

391.207.000

- Nguồn ngân sách (mã nguồn 14)

109.499.000

	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức thu	SSHs	NĂM HỌC 2023-2024		GHI CHÚ
					Dự toán	Tỷ lệ (%)	
+	Học cụ - học liệu	đồng/học sinh/năm		246	34.510.000		
	- Nhà trẻ		70.000	43	3.010.000		SSHs x 70.000
	- Mầm		122.000	66	8.052.000		SSHs x 122.000
	- Chồi		168.000	65	10.920.000		SSHs x 168.000
	- Lá		174.000	72	12.528.000		SSHs x 174.000
	Mức thu	đồng/học sinh/năm		246	46.810.000		
	Tổng dự toán chi :				46.810.000		
9	Tiền suất ăn trưa bán trú						
	Mức thu	đồng/học sinh/ngày	32.000	246	1.558.656.000		SSHs x 32.000 x 22 x 9 tháng
	Tổng dự toán chi :				1.558.656.000		
10	Tiền suất ăn sáng						
	Mức thu	đồng/học sinh/ngày	9.000	246	531.360.000		SSHs x 9.000 x 22 x 9 tháng
	Tổng dự toán chi :				531.360.000		
11	Tiền nước uống						
	Mức thu	đồng/học sinh/tháng	10.000	246	22.140.000		SSHs x 10.000 x 9 tháng
	Tổng dự toán chi :				22.140.000		
12	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)						
	Mức thu	đồng/học sinh/năm	40.000	246	9.840.000		
	Tổng dự toán chi :				9.840.000		
13	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)						
	Mức thu	đồng/học sinh/tháng	30.000	246	66.420.000		SSHs x 30.000 x 9 tháng
	Tổng dự toán chi :				66.420.000		

Phụ trách kế toán



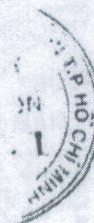
TRẦN THUY MINH PHƯƠNG

Ngày 06 tháng 09 năm 2023

Trưởng đơn vị



Trưởng đơn vị



BIÊN BẢN KẾT THÚC NIÊM YẾT (LẦN 1)
Về công khai chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 tại trường Mầm non 23/11.

1. Thời gian và địa điểm:

Hôm nay, lúc 8g00 ngày 15/10/2023 tại trường Mầm non 23/11.

2. Nội dung kết thúc niêm yết:

Hiệu trưởng trường Mầm non 23/11 đã thông báo niêm yết công khai Chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

Thông báo đã được niêm yết từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 đến ngày 15 tháng 10 năm 2023.

3. Diễn biến trong thời gian niêm yết:

Trong thời gian niêm yết Trường Mầm non 23/11 không nhận được thông tin về việc phản hồi, khiếu nại có liên quan đến các Chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 tại trường Mầm non 23/11

Ý kiến đề xuất : Không./.



HIỆU TRƯỞNG

Lý Mỹ Hương